



HABUBANK
Giá trị tích lũy niềm tin

Annual Report 2008

Báo cáo thường niên



Dấu ấn năm 2008

- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ XVII.
- Triển khai chương trình khuyến mại lớn nhất dành cho khách hàng cá nhân “Gửi tiền Ngân hàng Nhà được nhà” với hàng trăm giải thưởng có giá trị.



Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ XVII năm 2008



Lễ trao giải chương trình khuyến mại “Gửi tiền Ngân hàng Nhà được nhà”

- Nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng: Tổ chức chương trình khách hàng bình chọn cho giao dịch viên ngân hàng đạt danh hiệu “Nụ cười HABUBANK”.



Chương trình khách hàng bình chọn “Nụ cười HABUBANK”



Họp báo ra mắt “Dịch vụ Tư vấn tài chính cá nhân”

- Phát triển sản phẩm mới: Khai trương dịch vụ mới “Tư vấn tài chính cá nhân - Wealth Advisory” với nhiều giải pháp quản lý tài chính hữu hiệu dành cho khách hàng cá nhân.
- Hoàn thành việc xây dựng trụ sở mới cho các chi nhánh tại Hà Nội, Quảng Ninh và mở thêm 7 điểm giao dịch mới tại các tỉnh Vĩnh Phúc, Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh.



Tòa nhà HABUBANK tại Quảng Ninh



Lễ khai trương trụ sở mới chi nhánh HABUBANK Quảng Ninh

- Năm thứ 3 liên tiếp HABUBANK được Tạp chí The Banker (Anh) bình chọn là “Ngân hàng Việt Nam của năm”,
- Vinh dự đón nhận Huân chương Lao động hạng III do Chủ tịch nước trao tặng vì những đóng góp cho sự nghiệp xây dựng Tổ quốc trong giai đoạn 2003 - 2007.



Lễ đón nhận Huân chương Lao động hạng III & Lễ kỷ niệm 20 năm HABUBANK - Giá trị tích lũy niềm tin



Năm thứ 3 liên tiếp là “Ngân hàng Việt Nam của năm”

- Tổ chức các hoạt động hướng về cộng đồng: Tài trợ mổ tim cho các bệnh nhân nghèo; Tham gia các đoàn từ thiện khám chữa bệnh, tặng quà cho người cao tuổi ở Nam Định, Sóc Sơn, Hà Tĩnh; Tổ chức Tết và tặng 750 suất quà tết cho trẻ em mồ côi tại Bắc Ninh, các gia đình nghèo tại Phú Xuyên, Sóc Sơn, Nam Định, Hà Nội.
- Tổ chức Hội diễn văn nghệ và Giải bóng đá CUP HABUBANK chào mừng 20 năm ngày thành lập Ngân hàng.



Giải bóng đá thường niên HABUBANK 2008



Tặng quà tết cho các gia đình nghèo

- Hoàn thành việc tăng vốn điều lệ lên 2.800 tỷ đồng.
- Ngày hội nhân viên HABUBANK luôn là ngày hội được đông đảo cán bộ nhân viên cùng toàn thể gia đình đón chờ.



Hội diễn văn nghệ HABUBANK 2008



Ngày hội nhân viên HABUBANK 2008



Vững bước trước những thách thức mới

Kính gửi các Quý vị cổ đông, các nhà đầu tư, các khách hàng!

Thay mặt cho Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội (HABUBANK), tôi xin bày tỏ lòng cảm ơn sâu sắc tới tất cả Quý vị đã đặt niềm tin nơi HABUBANK và nỗ lực cùng HABUBANK vượt qua những thời khắc khó khăn cũng như khi thành công trong năm 2008 và các năm tiếp theo.

Kính thưa các Quý vị!

Năm 2008 là năm khó khăn nhất trong hơn một thập kỷ qua của Việt Nam và kể từ khi nước ta áp dụng chính sách Đổi mới, dần hội nhập với kinh tế thế giới. Bắt đầu với khủng hoảng của hệ thống tài chính toàn cầu đã dẫn tới suy thoái và suy giảm tăng trưởng kinh tế ở nhiều nền kinh tế lớn nhất thế giới bao gồm Mĩ, EU và nhiều nước Châu Á, ảnh hưởng lớn tới Việt Nam. Diễn biến kinh tế Việt Nam trong năm phức tạp, nổi bật là lạm phát tăng cao trong những tháng đầu năm và giảm phát trong những tháng cuối năm, lãi suất biến động liên tục, thị trường chứng khoán suy giảm tới hơn 60% giá trị so với 31/12/2007, thị trường bất động sản “vỡ bong bóng” với giá trị giảm hơn 50%, nguồn vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài do tác động tại các nền kinh tế khác bị rút ra khỏi thị trường Việt Nam khiến nguồn cung tài chính vào thị trường vốn giảm nhiều, chính sách thắt chặt nguồn cung tiền và hạn chế tăng trưởng tín dụng đã ảnh hưởng lớn tới dòng tiền của các doanh nghiệp tại hầu hết các ngành nghề, tăng trưởng GDP không đạt kế hoạch (chỉ tăng 6,7% so với kế hoạch 8%), kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 62,9 tỷ USD, tăng 29,5% so với năm 2007 và kim ngạch nhập khẩu hàng hóa đạt 80,4 tỷ USD, tăng 28,3% so với năm 2007, khiến cán cân thanh toán là nhập siêu lớn hơn, gấp 1,2 lần so với 2007. Mặc dù chịu ảnh hưởng lớn của khủng hoảng tài chính kinh tế toàn cầu và Việt Nam, HABUBANK vẫn đảm bảo hoạt động an toàn và kinh doanh hiệu quả cho năm 2008 trong tất cả 5 mục tiêu chiến lược, tiếp tục phát triển bền vững,

20 năm qua, HABUBANK luôn đồng hành cùng sự phát triển đi lên của đất nước. Ngân hàng đã phát triển toàn diện về mọi mặt: vốn điều lệ và vốn chủ sở hữu tăng hơn 500 lần, hạ tầng và cơ sở vật chất hiện đại, có đội ngũ hàng ngàn cán bộ công nhân viên có trình độ chuyên nghiệp cao và là 1 trong 10 ngân hàng cổ phần có quy mô lớn nhất và hoạt động thành công nhất ở Việt Nam, mang lại sự tăng trưởng cho các nhà đầu tư, đóng góp vào ổn định của thị trường tài chính và sự phồn vinh của nước nhà.

Ngay trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên vào đầu tháng 3/2008, HABUBANK rất vui mừng khi nhận được sự tin tưởng, ủng hộ từ phía các cổ đông và những đánh giá cao về các kết quả mà HABUBANK đã đạt được trong năm trước đó. Đây chính là động lực, là niềm tin để Hội đồng quản trị, Ban điều hành HABUBANK thêm tự tin về chiến lược kinh doanh mà mình lựa chọn để chèo lái con thuyền HABUBANK vững bước trên thị trường.

Trong năm 2008, HABUBANK luôn hướng tới tối đa hoá giá trị đầu tư bền vững cho các cổ đông, đảm bảo việc trả cổ tức hấp dẫn hàng năm, đạt trên mức bình quân ngành. Các biến động tài chính, kinh tế của Việt Nam và thế giới đã ảnh hưởng lớn đến việc kinh doanh của HABUBANK trong năm 2008. Tuy nhiên bằng việc linh hoạt ứng phó với thay đổi bao gồm cả bổ sung mảng kinh doanh và chuyển đổi định hướng kinh doanh ngắn hạn trong khi hướng tới mục tiêu phát triển an toàn và bền vững dài hạn, HABUBANK vẫn đảm bảo tăng trưởng phù hợp trong năm 2008 với hiệu quả cao.

Dự đoán được biến động lạm phát năm 2008, HABUBANK đã chủ động áp dụng các chính sách nhân sự linh hoạt nhằm gìn giữ và đảm bảo thu nhập cho nguồn lao động của mình, sắp xếp bố trí lại nguồn nhân lực sao cho sử dụng hiệu quả nhất khi mô hình kinh doanh thay đổi. Hiệu quả của việc làm này thể hiện qua năng suất tính bằng lợi nhuận trước thuế trên một nhân viên tiếp tục ở mức cao so với ngành.

Với chiến lược mở rộng mạng lưới từng bước vững chắc trong năm, HABUBANK tiếp tục mở thêm 9 điểm giao dịch tại các trung tâm kinh tế (Hà Nội, TP Hồ Chí Minh và Hải Phòng), nâng tổng số điểm giao dịch trên toàn quốc đạt 39 điểm, tất cả đều đạt hiệu quả kinh doanh cao, an ninh tốt.

HABUBANK đã hoàn thành 100% việc triển khai phần mềm Corebanking toàn hệ thống và hiện đang triển khai việc nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin

Năm 2008 là năm đánh dấu sự bứt phá của HABUBANK trong việc phát triển mảng ngân hàng bán lẻ cao cấp nhằm đa dạng hoá nguồn thu, HABUBANK đã triển khai với bước đầu thành công lớn đối với mảng Tư vấn tài chính cá nhân (Wealth Advisory).

Năm qua, HABUBANK tiếp tục nhận được nhiều bằng khen, giải thưởng bình chọn của khách hàng và ngành dành cho HABUBANK, như:

- Giải thưởng Nhân hiệu nổi tiếng;
- Giải thưởng The Banker cho Ngân hàng Việt Nam của năm 2008;
- Giải thưởng Top trade Services 2008;
- Danh hiệu Doanh nghiệp bán lẻ hàng đầu Việt Nam;
- Cup vàng Siêu cúp Sản phẩm Việt hợp chuẩn WTO 2008;
- Dịch vụ Ngân hàng được hài lòng nhất;
- Tiếp tục được bầu chọn là 1 trong 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam năm 2008;

Những đóng góp của HABUBANK cho sự vững mạnh của ngành tài chính Việt nam không chỉ dừng ở việc HABUBANK liên tục nâng cao năng lực tài chính, luôn hoạt động hiệu quả và có lãi, hay là việc tham gia tích cực trong Hiệp hội ngân hàng và trái phiếu Việt Nam, mà còn được minh chứng qua những giải thưởng và bằng khen của NHNN, của Chính phủ đối với đóng góp của HABUBANK. Năm 2008 là năm thứ 9 liên tục HABUBANK được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xếp loại A, và sau 3 năm liên tiếp được nhận Bằng khen của Thống đốc NHNN và Thủ tướng Chính phủ, ngày 20/12/2008 HABUBANK đã vinh dự được trao tặng Huân chương lao động hạng ba của Chủ tịch nước.

HABUBANK cũng luôn gương mẫu nêu cao trách nhiệm của doanh nghiệp trong lĩnh vực tài chính với các hoạt động hướng tới và chia sẻ với cộng đồng nơi mình hoạt động, đẩy mạnh hoạt động đóng góp xã hội, gìn giữ môi trường, vì một đất nước Việt Nam ngày càng giàu mạnh và tốt đẹp hơn.

Trong năm 2009, trên cơ sở nhận định những thời cơ mới, những thách thức mới, Hội đồng quản trị HABUBANK sẽ đề ra phương hướng nhiệm vụ mới để phát triển HABUBANK thành một trong ba ngân hàng được tín nhiệm nhất Việt Nam, hướng tới xây dựng HABUBANK theo mô hình tập đoàn tài chính như chiến lược đã đề ra. Để làm tốt nhiệm vụ đó, chúng tôi mong muốn luôn nhận được sự ủng hộ, động viên, tin tưởng từ phía các cơ quan quản lý ngành, các Quý vị cổ đông, các khách hàng, các nhà đầu tư, các cán bộ nhân viên của Ngân hàng như trong suốt 20 năm qua đã dành cho HABUBANK.

Trân trọng cảm ơn!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
 CHỦ TỊCH



NGUYỄN VĂN BẰNG

Giới thiệu Ban Lãnh đạo Ngân hàng



1. Ông **Nguyễn Văn Bằng** - Chủ tịch Hội đồng quản trị
2. Bà **Bùi Thị Mai** - Phó chủ tịch HĐQT (*Được bầu tháng 3 năm 2009*) - Tổng giám đốc
3. Ông **Nguyễn Tuấn Minh** - Ủy viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc
4. Bà **Trần Thị Lan Hương** - Trưởng ban kiểm soát
5. Bà **Trần Thị Hà Giang** - Thành viên ban kiểm soát
6. Bà **Nguyễn Thị Minh Hải** - Thành viên ban kiểm soát
7. Ông **Đinh Đức Tuấn** - Thành viên ban kiểm soát (*Được bầu tháng 3 năm 2009*)



1. Ông **Đỗ Trọng Thắng** - Ủy viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc
2. Bà **Dương Thu Hà** - Ủy viên HĐQT
3. Ông **Joseph Paul Longo** - Ủy viên HĐQT
4. Bà **Nguyễn Thị Kim Oanh** - Phó Tổng giám đốc
5. Bà **Nguyễn Thị Bích Thủy** - Phó Tổng giám đốc
6. Bà **Lê Thu Hương** - Phó Tổng giám đốc
7. Bà **Nguyễn Dự Hương** - Phó Tổng giám đốc



5 Mục tiêu Chiến lược của HABUBANK

- 1- Tối đa hoá giá trị đầu tư của các cổ đông. Giữ vững tốc độ tăng trưởng lợi nhuận và tình hình tài chính lành mạnh;
- 2- Không ngừng nâng cao động lực làm việc và năng lực cán bộ thông qua việc luôn là Ngân hàng đi đầu trong việc sáng tạo và phát triển các chính sách đãi ngộ cũng như phát triển sự nghiệp cho các cán bộ của mình;
- 3- Duy trì sự hài lòng, trung thành và gắn bó của khách hàng với HABUBANK. Phát triển HABUBANK thành một trong top 2 ngân hàng Việt nam “được lựa chọn” do chất lượng dịch vụ tốt nhất bởi các doanh nghiệp cầu tiến, hộ gia đình và cá nhân;
- 4- Phát triển HABUBANK trở thành một trong 3 ngân hàng được ngưỡng mộ/tín nhiệm nhất Việt nam về: quản lý, môi trường làm việc, văn hoá doanh nghiệp chú trọng khách hàng, thúc đẩy hợp tác và sáng tạo, linh hoạt khi môi trường kinh doanh thay đổi;
- 5- Góp phần tích cực làm vững chắc thị trường tài chính trong nước.



Một số chỉ tiêu Tài chính cơ bản tổng hợp 5 năm

Đơn vị: Triệu VND

Cho năm	2008	2007	2006	2005	2004
Tổng thu từ hoạt động kinh doanh	2.698.371	2.248.179	986.246	488.911	311.440
Tổng chi phí hoạt động kinh doanh	2.107.634	1.702.501	707.174	371.031	238.562
Thu nhập hoạt động thuần	590.737	545.678	279.072	117.880	72.878
Chi phí dự phòng nợ khó đòi	110.315	84.923	31.025	14.783	12.412
Tỷ lệ nợ quá hạn	2,84%	1,84%	0,95%	1,1%	1,41%
Lợi nhuận trước thuế	480.422	460.755	248.047	103.097	60.466
Lợi nhuận sau thuế	325.167	365.632	185.193	75.190	45.657
Cổ tức	20%	20%	32%	25%	15%
Tại thời điểm cuối năm 31/12	2008	2007	2006	2005	2004
Tổng tài sản có	23.606.717	23.518.684	11.685.318	5.524.791	3.728.305
Tổng dư nợ	10.515.947	9.419.378	5.983.267	3.330.218	2.362.641
Tổng tài sản nợ	20.613.956	20.339.339	9.928.937	5.133.327	3.474.758
Tổng huy động	19.961.017	19.970.336	9.735.102	4.949.003	3.397.386
Vốn điều lệ	2.800.000	2.000.000	1.000.000	300.000	200.000
Tổng vốn cổ đông	2.992.761	3.179.345	1.756.381	391.464	253.547

20 NĂM
HABUBANK
Giá trị tích lũy niềm tin

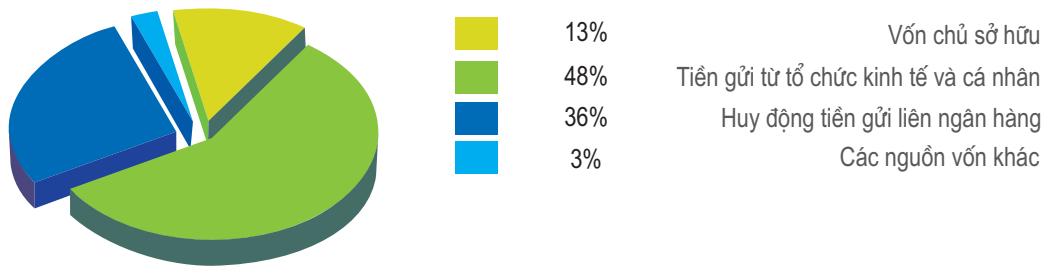


HABUBANK

Báo cáo của ban Tổng Giám đốc

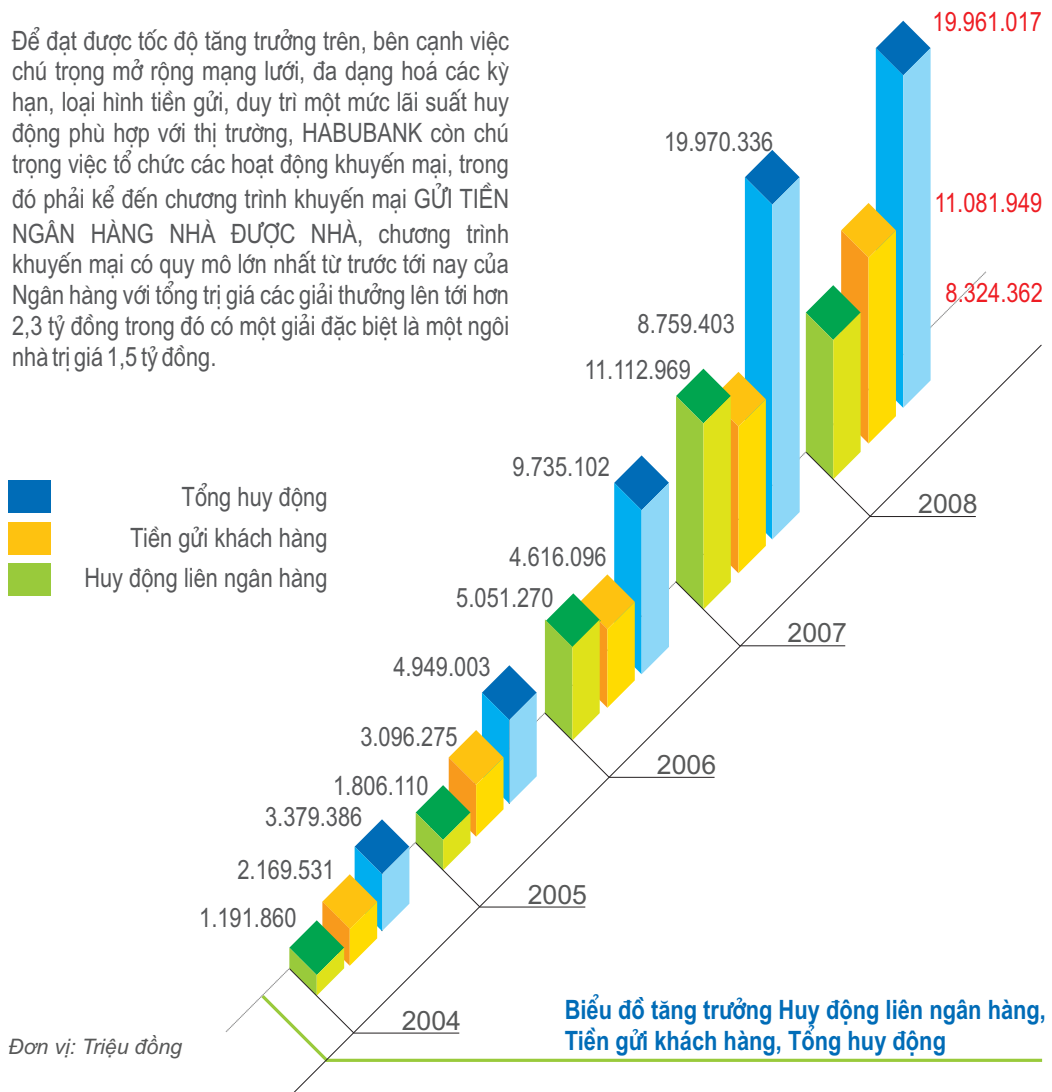
Vốn huy động

Do ảnh hưởng của biến động với biên độ lớn trên thị trường trong nước và quốc tế, sự thay đổi trong các chính sách điều hành của nhà nước, năm 2008, tổng nguồn vốn hoạt động của Ngân hàng tăng trưởng không đáng kể. Tuy nhiên cơ cấu nguồn có những thay đổi tích cực. HABUBANK chú trọng tăng trưởng huy động từ thị trường I, đặc biệt là huy động tiết kiệm thông qua việc mở rộng mạng lưới và các chính sách thu hút vốn hiệu quả. Đây là nguồn vốn bền vững, ổn định. Năm 2008 huy động thị trường I của HABUBANK đạt 11.082 tỷ đồng chiếm 55,52% tổng nguồn vốn huy động, trong đó huy động tiết kiệm tăng trưởng 103% so với 2007. Đây là một kết quả rất đáng ghi nhận trong điều kiện thị trường năm 2008 diễn biến phức tạp, lãi suất đầu năm biến động liên tục và có sự cạnh tranh gay gắt giữa các ngân hàng.



Biểu đồ Cơ cấu nguồn vốn năm 2008

Để đạt được tốc độ tăng trưởng trên, bên cạnh việc chú trọng mở rộng mạng lưới, đa dạng hoá các kỳ hạn, loại hình tiền gửi, duy trì một mức lãi suất huy động phù hợp với thị trường, HABUBANK còn chú trọng việc tổ chức các hoạt động khuyến mại, trong đó phải kể đến chương trình khuyến mại GỬI TIỀN NGÂN HÀNG NHÀ ĐƯỢC NHÀ, chương trình khuyến mại có quy mô lớn nhất từ trước tới nay của Ngân hàng với tổng trị giá các giải thưởng lên tới hơn 2,3 tỷ đồng trong đó có một giải đặc biệt là một ngôi nhà trị giá 1,5 tỷ đồng.

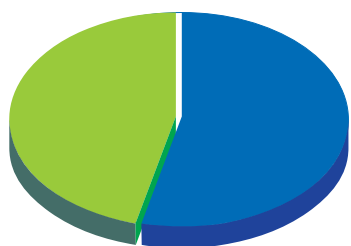
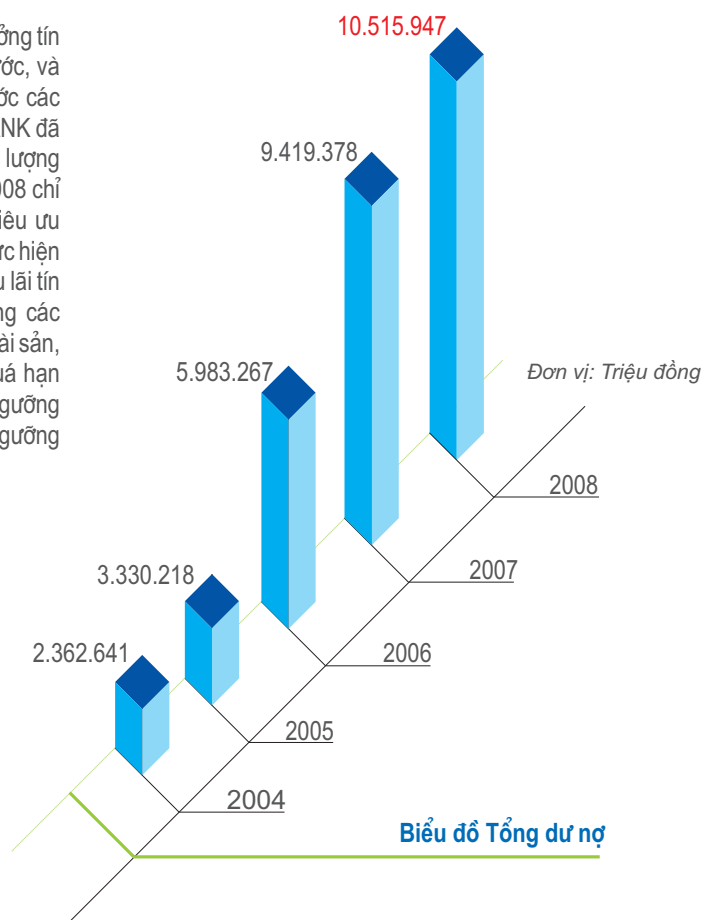


Biểu đồ tăng trưởng Huy động liên ngân hàng, Tiền gửi khách hàng, Tổng huy động

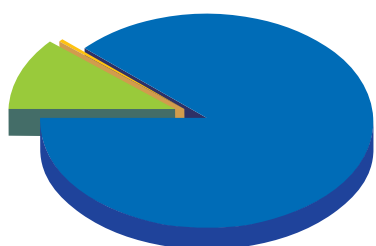
Sử dụng vốn

» Cho vay khách hàng:

Từ đầu năm, theo chủ trương hạn chế tăng trưởng tín dụng của Chính phủ, của Ngân hàng Nhà nước, và đảm bảo an toàn cho tài sản Ngân hàng trước các biến động phức tạp của nền kinh tế, HABUBANK đã chủ động kiểm soát chặt chẽ quy mô và chất lượng tăng trưởng tín dụng. Tổng dư nợ cuối năm 2008 chỉ tăng 11,6% so với cuối năm 2007. Với mục tiêu ưu tiên đảm bảo thanh khoản, HABUBANK đã thực hiện sàng lọc, lựa chọn khách hàng để đảm bảo thu lãi tín dụng, tạo được lợi nhuận đồng thời tôn trọng các nguyên tắc quản trị rủi ro để duy trì chất lượng tài sản, không làm tăng tỷ lệ nợ quá hạn. Tỷ lệ nợ quá hạn của HABUBANK năm 2008 là 2,8%, dưới ngưỡng 5% mà Ngân hàng Nhà nước cho phép và ngưỡng bình quân ngành là 3,5%.



Biểu đồ Cơ cấu dư nợ cho vay



Biểu đồ Dư nợ phân theo loại hình doanh nghiệp

» **Hoạt động trên thị trường liên ngân hàng:**

Năm 2008, thị trường tài chính bất ổn, có những giai đoạn tính thanh khoản toàn thị trường giảm sút, doanh số giao dịch liên ngân hàng năm 2008 của HABUBANK giảm so với năm 2007, đạt xấp xỉ 300.000 tỷ đồng.

» **Hoạt động đầu tư:**

Trong năm 2008, lạm phát tăng nhanh cộng với suy thoái kinh tế thế giới đã gây ảnh hưởng khá nặng nề đến nền kinh tế của Việt Nam nói chung và ngành tài chính ngân hàng nói riêng. Vì vậy, vấn đề thanh khoản đã được HABUBANK đặt lên hàng đầu, HABUBANK chủ trương tập trung đầu tư vào một số tài sản có tính an toàn cao. Trong đó, đầu tư vào Trái phiếu chính phủ tăng từ 43% năm 2007 lên 74% năm 2008 so với tổng danh mục đầu tư Trái phiếu, với lãi suất bình quân từ 12 - 14%/năm. Thu về kinh doanh trái phiếu của HABUBANK trong năm 2008 tăng gấp 5 lần so với năm 2007, đóng góp đáng kể vào lợi nhuận của Ngân hàng.

» **Kinh doanh ngoại tệ:**

Năm 2008, thị trường ngoại hối Việt Nam đã chịu tác động mạnh từ chính sách thắt chặt tiền tệ của NHNN, từ cung cầu trên thị trường và tâm lý của người dân. Nắm bắt được đặc điểm này, HABUBANK đã có những phân tích và nhận định đúng đắn về tình hình thị trường để đưa ra những phương hướng kinh doanh kịp thời, vừa đảm bảo đáp ứng đủ nhu cầu ngoại tệ thanh toán của doanh nghiệp xuất nhập khẩu, vừa đảm bảo uy tín với các đối tác nước ngoài. Hoạt động kinh doanh ngoại hối tại HABUBANK được quản lý tập trung nên luôn đảm bảo an toàn, hiệu quả. Thu lãi thuần từ kinh doanh ngoại tệ năm 2008 tăng 2,8 lần so với năm 2007.

Dịch vụ ngân hàng

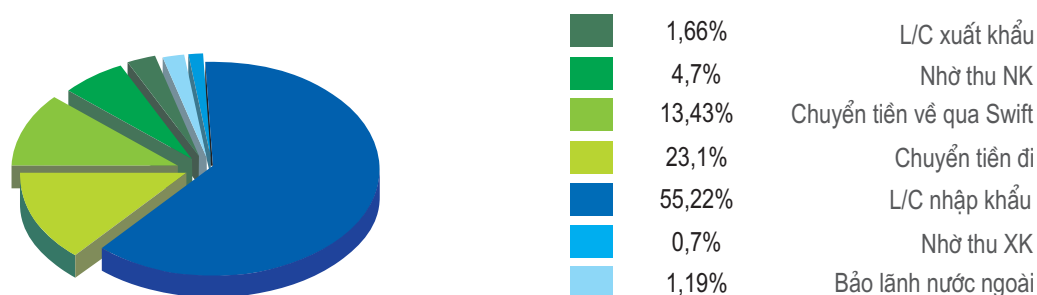
» **Bảo lãnh:**

Hoạt động bảo lãnh tại HABUBANK vẫn đạt được những kết quả khả quan với thu nhập từ hoạt động này đạt 18,883 tỷ đồng trong năm qua.

» **Thanh toán quốc tế:**

Đối mặt với những khó khăn chung của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu và những biến động của tình hình tài chính trong nước, doanh số thanh toán quốc tế (TTQT) của HABUBANK bị ảnh hưởng đáng kể. Vượt qua những khó khăn hoạt động TTQT, Ngân hàng luôn chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ, đáp ứng các yêu cầu ngày càng cao của khách hàng, góp phần giảm thiểu rủi ro trong hoạt động thanh toán quốc tế của khách hàng và nâng cao uy tín của HABUBANK với các ngân hàng đại lý.

Kết thúc năm 2008, HABUBANK đã hoàn thành việc triển khai sử dụng hệ thống Core-banking trong các giao dịch TTQT một cách an toàn, hiệu quả trên toàn hệ thống, thực hiện tốt chủ trương tập trung hoá hoạt động TTQT tại Hội sở của Hội đồng quản trị và Ban Điều hành. Điều này góp phần rút ngắn thời gian chờ xử lý giao dịch của khách hàng, đồng thời quản lý tốt các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình thực hiện giao dịch. Năm 2008, HABUBANK tiếp tục được các ngân hàng quốc tế đánh giá cao về chất lượng thanh toán. Trong năm, HABUBANK tiếp tục được trao tặng Giải thưởng về chất lượng thanh toán quốc tế xuất sắc của các ngân hàng Wachovia và HSBC. Với sự nỗ lực học hỏi và thao tác nghiệp vụ chuẩn xác của các cán bộ TTQT, tỷ lệ điện thanh toán chuẩn của HABUBANK luôn ở mức cao, góp phần làm giảm chi phí phát sinh, rút ngắn thời gian giao dịch và nâng cao uy tín của HABUBANK đối với khách hàng cũng như với các ngân hàng nước ngoài. HABUBANK cũng luôn chú trọng việc tăng cường và phát triển hiệu quả quan hệ đại lý với các ngân hàng nước ngoài, ký kết các thoả thuận hợp tác triển khai các dịch vụ mới như tái cấp vốn, tái chiết khấu, đàm phán tăng hạn mức xác nhận thư tín dụng tại các ngân hàng lớn như: Deutsche Bank, Fortis Bank, JP Morgan, Nova Scotia, Hypovereinsbank, Citibank, Wachovia, SCB,... Mở rộng mạng lưới ngân hàng đại lý có quan hệ trực tiếp lên tới hàng ngàn trên 94 nước và vùng lãnh thổ. Đặc biệt HABUBANK đã thiết lập quan hệ đại lý với nhiều ngân hàng địa phương lớn của Trung Quốc nhằm đáp ứng tốt các nhu cầu giao dịch có xác thực của khách hàng tới thị trường lớn nhất thế giới này.



Biểu đồ Thanh toán Quốc tế chia theo lĩnh vực hoạt động

» **Dịch vụ ngân hàng tự động:**

Thực hiện chủ trương của Nhà nước về phát triển các phương tiện thanh toán không sử dụng tiền mặt nhằm giảm bớt các rủi ro và chi phí xã hội, thực hiện chiến lược đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ của Ngân hàng theo tiêu chuẩn quốc tế, HABUBANK đã chính thức triển khai hệ thống phát hành và chấp nhận thanh toán thẻ nội địa HABUBANK VANTAGE từ năm 2005. Hệ thống quản lý thẻ và thiết bị chấp nhận thẻ của HABUBANK được xây dựng theo chuẩn quốc tế về bảo mật thông tin. Hệ thống này cho phép HABUBANK dễ dàng đa dạng hóa được các sản phẩm thẻ, các tính năng của thẻ và kết nối với các tổ chức, hệ thống trong nước cũng như quốc tế.

Để tạo thuận lợi cho các khách hàng sử dụng thẻ HABUBANK VANTAGE, sau khi kết nối với hệ thống VNBC vào cuối năm 2005 với hệ thống máy ATM khoảng 800 máy của các Ngân hàng thành viên là Ngân hàng Đông Á, Ngân hàng Sài Gòn Công thương, Ngân hàng Nhà đồng bằng sông Cửu Long, đến tháng 3 năm 2008, HABUBANK tiếp tục tham gia kết nối hệ thống Banknetvn với hơn 2.500 máy ATM trải dài trên khắp các tỉnh thành cả nước của 3 ngân hàng thương mại nhà nước lớn nhất là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngân hàng Đầu tư phát triển Việt nam, Ngân hàng Công thương và một số ngân hàng cổ phần như Ngân hàng An Bình, Ngân hàng Việt Nga và Ngân hàng ACB....

» **Dịch vụ Tư vấn tài chính cá nhân:**

Trong năm 2009, HABUBANK tự hào là người tiên phong cung cấp “Dịch vụ tư vấn tài chính cá nhân” (Wealth Advisory) một cách chuyên nghiệp và sáng tạo trên thị trường Việt Nam. Với phương châm phục vụ khách hàng là trọng tâm, căn cứ trên nhu cầu và khả năng tài chính của mỗi người, các chuyên viên tư vấn của HABUBANK sẽ giới thiệu tới khách hàng những giải pháp tài chính phù hợp để khách hàng có thể lựa chọn nhằm đảm bảo gìn giữ nguồn tài chính đang có và phát triển thành nguồn tài sản lớn hơn trong tương lai.

Đi cùng với dịch vụ này, HABUBANK đã cho ra đời nhiều gói giải pháp, phù hợp với nhiều giai đoạn của cuộc sống để khách hàng lựa chọn. Các giải pháp này được xây dựng trên cơ sở kết hợp với bảo hiểm nhằm tăng tiện ích và tính an toàn cho các khách hàng sử dụng dịch vụ Tư vấn tài chính cá nhân, có cam kết lâu dài với Ngân hàng.

So với các nước phát triển khác trong khu vực và trên thế giới, phân khúc thị trường bán lẻ trong hoạt động ngân hàng tại Việt Nam nhìn chung vẫn còn hạn chế mặc dù đây là một dịch vụ có rất nhiều tiềm năng. Bằng việc đưa vào các giải pháp tài chính cho khách hàng cá nhân, HABUBANK đang từng bước tiếp cận và khai thác tiềm năng đó, mang lại cho khách hàng của mình những lời tư vấn hữu ích, hiệu quả cho nguồn tài chính của họ.

Xã hội ngày càng phát triển, mức sống của người dân ngày càng được nâng cao đồng nghĩa với việc số lượng người có mức thu nhập từ trung bình khá trở lên ngày càng nhiều. Tuy nhiên, cũng cần phải nhìn nhận rằng, đa phần trong số họ không có được sự tư vấn đầy đủ, khách quan để sử dụng hợp lý, hiệu quả thặng dư thu nhập của mình. HABUBANK là ngân hàng đầu tiên triển khai dịch vụ tư vấn tài chính cá nhân một cách chuyên nghiệp và sáng tạo với sự hỗ trợ của các chuyên gia nước ngoài nhiều kinh nghiệm, sử dụng dịch vụ bán lẻ cao cấp như một chất xúc tác nhằm thay đổi văn hoá bán hàng. Với những yêu cầu đặt ra khi triển khai dịch vụ này, HABUBANK xác định mục tiêu xây dựng một đội ngũ cung cấp dịch vụ bán lẻ cao cấp chuyên nghiệp nhất tại Việt Nam. Với Wealth Advisory, HABUBANK hướng tới tăng trưởng nguồn huy động dài hạn hơn cho Ngân hàng từ các sản phẩm dịch vụ liên kết và sáng tạo mới; nâng cao mức sử dụng sản phẩm bình quân cho nguồn khách hàng sẵn có - khuyến khích sự gắn bó của các khách hàng cá nhân đối với Ngân hàng và gia tăng nhiều khách hàng cá nhân mới, qua đó làm tăng thị phần mảng ngân hàng cá nhân một cách nhanh chóng.

Các dự án triển khai trong năm 2008

Năm 2008, HABUBANK đã triển khai thành công 2 dự án có tính chất đột phá trong hoạt động của Ngân hàng, trong đó một dự án về nâng cấp hạ tầng thông tin Core Banking và dự án Lotus về phát triển sản phẩm dịch vụ mới Tư vấn tài chính cá nhân (Wealth Advisory).

» Dự án Core Banking:

HABUBANK đã tiến hành thay thế phần mềm cốt lõi và sử dụng phần mềm Flexcube do Iflex cung cấp nhằm mở rộng khả năng phát triển các sản phẩm, dịch vụ có hàm lượng công nghệ cao, hỗ trợ kiểm soát và quản trị rủi ro tự động một cách hiệu quả. Dự án đã chính thức hoàn thành việc triển khai trên toàn hệ thống vào tháng 4/2008.

» Dự án Lotus:

Được nghiên cứu và triển khai nằm trong chiến lược đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Tháng 10/2008, dự án đã kết thúc thành công bằng việc chính thức khai trương Dịch vụ Tư vấn tài chính cá nhân với một chùm các sản phẩm phù hợp với từng nhu cầu của khách hàng. Đây được xem là thành công nổi bật của HABUBANK trong hoạt động kinh doanh khi là Ngân hàng đầu tiên triển khai dịch vụ một cách chuyên nghiệp và sáng tạo.

Bên cạnh đó, HABUBANK vẫn tiếp tục triển khai các dự án khác, bao gồm:

» Dự án chuyển giao kiến thức:

Đây là dự án HABUBANK phối hợp với đối tác chiến lược Deutsche Bank (Đức) gồm các tiểu dự án tăng cường năng lực quản trị nguồn vốn, quản trị rủi ro tín dụng, quản lý rủi ro thị trường, quản lý rủi ro hoạt động. Các dự án này nằm trong khuôn khổ thỏa thuận hợp tác chiến lược giữa HABUBANK và Deutsche Bank nhằm tăng cường năng lực hoạt động và quản trị rủi ro cho HABUBANK.

» Dự án tài chính nông thôn II:

Đây là dự án do Ngân hàng Thế giới tài trợ thông qua Sở giao dịch III (Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam) mà từ năm 2003, HABUBANK chính thức tham gia dự án này với tư cách là thành viên. Dự án nhằm mục tiêu phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn và tăng cường năng lực thể chế cho các ngân hàng tham gia dự án. HABUBANK đã nhanh chóng tiếp cận và giải ngân nguồn vốn tới các tiểu dự án hợp lệ và được đánh giá là một trong những định chế tài chính sử dụng nguồn vốn có hiệu quả nhất.

» Dự án triển khai Trung tâm Thông tin phục vụ khách hàng (Contact Center):

Đây là dự án nhằm xây dựng một trung tâm có chức năng bán các sản phẩm dịch vụ ngân hàng, là kênh phone-banking hiệu quả góp phần chăm sóc khách hàng, tư vấn giải đáp thắc mắc/ khiếu nại của khách hàng trong giao dịch với Ngân hàng; tối đa hoá sự hài lòng của khách hàng đối với các sản phẩm và dịch vụ do Ngân hàng cung cấp trong hiện tại và trong tương lai; đồng thời cũng là kênh cung cấp các thông tin cho các cổ đông, đối tác, các ngân hàng bạn.

HABUBANK

Công tác quản trị rủi ro trong Ngân hàng

Chính sách quản trị rủi ro

Năm 2008 là năm thử thách các chính sách quản trị rủi ro và là minh chứng cho quan điểm đúng đắn đối với quản trị rủi ro của Ban lãnh đạo HABUBANK. Các chỉ số đo lường rủi ro của HABUBANK luôn được đảm bảo với chính sách quản lý rủi ro ngày càng hoàn thiện. Cụ thể:

» **Tỷ lệ an toàn vốn:**

Tính theo hướng dẫn quốc tế Basel và theo tiêu chuẩn của cơ quan quản lý ngành, tỷ lệ an toàn vốn của HABUBANK luôn đạt trên 20%, đạt kế hoạch của Đại hội đồng cổ đông XVIII đề ra là trên 10%. So với năm 2007, con số này đã tăng thêm 4% (năm 2007 đạt 16%).

» **Tỷ lệ đòn bẩy tài chính:**

Chuẩn mực tỷ lệ đòn bẩy tài chính tốt nhất theo tiêu chuẩn quốc tế là từ 10 - 14 lần. Trong năm qua, HABUBANK đã luôn duy trì tỷ lệ này xung quanh mức 10 lần, tại thời điểm 31/12/2008 là 11,7 lần. Có được kết quả này trong thời điểm ngành tài chính ngân hàng gặp nhiều khó khăn là do HABUBANK đã triển khai chiến lược tăng trưởng tổng tài sản và vốn điều lệ có hiệu quả. Cuối năm 2008, tổng tài sản của HABUBANK đạt 23.606 tỷ đồng. Vốn điều lệ tăng 40% so với năm 2007, đạt mức 2.800 tỷ đồng. Con số 2.800 tỷ đồng vốn điều lệ vẫn đảm bảo tính cạnh tranh cho HABUBANK khi năng lực tài chính tiếp tục nằm trong Top những ngân hàng TMCP tốt nhất trong hệ thống.

» **Tỷ lệ thanh khoản:**

Năm 2008, trước tình hình kinh tế có nhiều biến động ảnh hưởng đến ngành tài chính ngân hàng, HABUBANK vẫn luôn đặt vấn đề an toàn thanh khoản lên hàng đầu nhằm đảm bảo hoạt động cho toàn Ngân hàng. Trong khi quan điểm quản lý quốc tế đưa ra mức tỷ lệ tốt nhất là 30% thì tại HABUBANK, con số này là trên 31%.

» **Tỷ lệ cho vay/huy động thị trường I:**

Tỷ lệ này tại HABUBANK năm 2008 là 94,89%, thể hiện rõ việc tăng trưởng mạnh nguồn vốn huy động được từ dân cư và khách hàng doanh nghiệp đồng thời sử dụng nguồn vốn này trong hoạt động cho vay một cách hiệu quả nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho Ngân hàng.

» **Tỷ lệ ROE:**

Năm 2008, Lợi nhuận thuần trước thuế và sau khi trích dự phòng đạt 480 tỷ đồng, tăng 4,26% so với năm 2007. Với mức lợi nhuận này, tỷ lệ ROE sau thuế tính trên vốn điều lệ bình quân của HABUBANK đạt 17,6%.

» **Tỷ suất hiệu quả sử dụng tài sản ROA:**

Được tính bằng Lợi nhuận thuần sau thuế trên Tổng Tài sản có bình quân. Năm 2008, ROA sau thuế của HABUBANK đạt 1,49%. Trong điều kiện môi trường kinh doanh thuận lợi không có khủng hoảng thì mặt bằng tiêu chuẩn quốc tế tốt là từ 2% đến 2,5%.

» **Cơ cấu thu nhập phi tín dụng:**

Tỷ lệ thu nhập phi tín dụng so với tổng thu nhập thuần hoạt động đạt 18,49%, tăng so với năm 2007. Trong đó thu từ hoạt động dịch vụ của ngân hàng tăng 42% so với năm 2007 về giá trị, và tăng 24% về cơ cấu so với tổng thu nhập hoạt động kinh doanh.

Năm 2008 tiếp tục đánh dấu một bước tiến mới trong quá trình hoàn thiện công tác quản trị rủi ro của HABUBANK. Trên cơ sở triển khai các tiểu dự án tư vấn của Deutsche Bank, HABUBANK đã thành lập các bộ phận Quản trị rủi ro chuyên trách, độc lập với các mảng kinh doanh, nhằm hỗ trợ Ban Điều hành trong việc đảm bảo an toàn kinh doanh và nâng cao hiệu quả hoạt động chung của Ngân hàng.

Rủi ro thị trường và thanh khoản

Rủi ro thị trường: chủ yếu đến từ hai biến động cơ bản là lãi suất và tỷ giá. Tại HABUBANK, rủi ro lãi suất được kiểm soát bằng một cơ chế quản lý nhất quán và xuyên suốt toàn hàng không chỉ dừng lại ở việc chuẩn bị các cơ sở hạ tầng mà còn về cơ cấu tổ chức, từng bước hoàn thiện nhằm hướng tới những chuẩn mực quốc tế về quản lý rủi ro lãi suất. Các báo cáo về rủi ro lãi suất được phân tích bởi các chuyên viên quản trị rủi ro có kinh nghiệm và được đệ trình lên các cấp quản lý tùy theo mức độ rủi ro cao hay thấp, giúp HABUBANK chủ động và kịp thời nhận biết, đo lường, kiểm soát và đối phó với các rủi ro lãi suất phát sinh.

Hiện tại, ủy ban quản lý Tài sản và Công nợ (ALCO), trên tinh thần tôn trọng và tuân thủ các chiến lược về quản trị rủi ro của HĐQT, là bộ phận có trách nhiệm trực tiếp đưa ra các quyết định điều hành nhằm hạn chế tối đa các rủi ro về lãi suất phát sinh trong quá trình hoạt động của ngân hàng, đồng thời đạt được sự cân bằng giữa rủi ro và lợi nhuận.

Đặc thù trong hoạt động của ngành tài chính ngân hàng là thường xuyên nắm giữ trạng thái (âm/dương) với một quy mô nhất định đối với các loại ngoại tệ (USD, EUR, JPY...). Rủi ro tỷ giá phát sinh khi có sự biến động về tỷ giá giữa đồng nội tệ (đồng tiền trên báo cáo tài chính) và các loại ngoại tệ khác. Quản lý rủi ro tỷ giá là một trong những chức năng chính của Phòng quản lý rủi ro thị trường tại HABUBANK. Dựa trên cơ chế quản lý rủi ro tỷ giá đã được thiết lập, các chuyên viên quản lý rủi ro có trách nhiệm theo dõi mức độ tuân thủ các hạn mức rủi ro tỷ giá, phân tích trạng thái rủi ro tỷ giá của Ngân hàng, báo cáo kịp thời cho ban quản lý đồng thời đề xuất các giải pháp khả thi nhằm giảm thiểu các rủi ro về tỷ giá, ví dụ như: chiến lược về trạng thái ngoại hối ròng phù hợp với từng thời kỳ, sử dụng linh hoạt các công cụ bảo hiểm rủi ro tỷ giá thông qua các hợp đồng kỳ hạn hoặc phái sinh, tuân thủ các hạn mức dừng lỗ đối với các giao dịch mua/bán ngoại tệ...

Rủi ro thanh khoản: là một trong những rủi ro luôn luôn thường trực trong hoạt động kinh doanh ngân hàng. Rủi ro thanh khoản phát sinh chủ yếu từ một thực tế khó tránh là đa số các ngân hàng đang phải sử dụng nguồn vốn huy động ngắn hạn để cho vay trung, dài hạn và/hoặc tỷ lệ cho vay/huy động lớn hơn 100%. Dựa trên những thành tựu nhất định về hệ thống cơ sở hạ tầng dữ liệu, cải tiến về công nghệ, nâng cao năng lực chuyên môn và kinh nghiệm quản lý của đội ngũ nhân sự, HABUBANK đã sửa đổi và hoàn thiện một cơ chế quản lý rủi ro thanh khoản mới, phù hợp với những chuẩn mực về quản lý rủi ro thanh khoản của các ngân hàng quốc tế. Bên cạnh một Chính sách quản lý rủi ro thanh khoản nhất quán áp dụng cho toàn hàng, HABUBANK đã xây dựng được hệ thống các báo cáo quản lý rủi ro thanh khoản hiệu quả.

Trước các biến động xấu trên thị trường tài chính trong nước và quốc tế trong năm 2008, để đảm bảo an toàn hoạt động, HABUBANK vẫn tiếp tục duy trì tỷ lệ thanh khoản ở mức trên 30% đồng thời liên tục rà soát và hoàn thiện các phương án ứng phó khi xảy ra khủng hoảng.

Rủi ro hoạt động

Trên cơ sở triển khai dự án chuyển giao công nghệ của Deutsche Bank AG về Quản trị rủi ro hoạt động, HABUBANK đã thành lập bộ phận Quản trị rủi ro hoạt động độc lập (ORM). Bộ phận quản trị rủi ro hoạt động bước đầu đã thu được các kết quả nhất định với các nhiệm vụ cụ thể sau :

- Xây dựng hệ thống báo cáo các rủi ro hoạt động (thống kê toàn bộ các tổn thất, các sai sót có thể dẫn tới tổn thất xuất phát từ việc không tuân thủ các quy trình nội bộ hoặc sai sót từ con người, hệ thống hoặc từ các sự kiện bên ngoài), áp dụng trên toàn hệ thống, có phân loại theo đúng quy định do Basel định nghĩa.
- Xây dựng bộ chỉ số rủi ro chính (KRI) của Ngân hàng, phát triển và triển khai các phương pháp đo lường rủi ro hoạt động tiên tiến nhất;
- Rà soát và hoàn thiện hệ thống các quy trình nội bộ với các chốt kiểm soát để giảm thiểu tối đa các rủi ro hoạt động của Ngân hàng.
- Xây dựng Kế hoạch kinh doanh liên tục (BCP) giúp Ngân hàng chủ động xử lý trong các điều kiện có thể làm gián đoạn kinh doanh, đảm bảo uy tín đối với khách hàng, góp phần làm ổn định kinh tế, xã hội.

Việc triển khai các hoạt động quản trị rủi ro nói chung và quản trị rủi ro hoạt động nói riêng tại HABUBANK trong những năm qua, đặc biệt trong bối cảnh cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu lan rộng và gây ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động kinh doanh của các ngân hàng, đã mang lại những kết quả tích cực. Các rủi ro liên quan tới hoạt động được ủy ban ORM theo dõi sát sao và báo cáo kịp thời cho các cấp lãnh đạo, giúp HABUBANK tránh được những rủi ro tiềm tàng đã và đang ảnh hưởng tiêu cực tới nhiều ngân hàng, kể cả những ngân hàng tên tuổi trên thế giới. Đây cũng là một trong những nhân tố quyết định giúp HABUBANK lần thứ ba liên tiếp được tạp chí nổi tiếng trong ngành tài chính - ngân hàng thế giới The Banker trao tặng giải thưởng “Ngân hàng Việt Nam của năm 2008”. HABUBANK đã, đang và sẽ hoàn thiện bộ máy quản trị rủi ro của mình để luôn chủ động và linh hoạt trong mọi tình hình thị trường và mang lại lợi ích cao nhất cho các cổ đông.

Rủi ro tín dụng

Quản trị rủi ro tín dụng là quan tâm hàng đầu của tất cả các ngân hàng nhằm đảm bảo An toàn và Hiệu quả hoạt động. Trong bối cảnh khủng hoảng tài chính toàn cầu, một lần nữa rủi ro tín dụng đã thách thức sự tồn tại của những định chế tài chính tưởng chừng như vững chắc, lâu đời nhất như Bear Stearns, Lehman Brother, Citigroup.... Chính vì thế, các ngân hàng trên thế giới nói chung và ở Việt Nam nói riêng đã thu nhận được những bài học về việc quản trị rủi ro trong hoạt động tín dụng.

Tại HABUBANK, nguyên tắc nhất quán được áp dụng trong hoạt động tín dụng là tăng trưởng phải đảm bảo an toàn và chất lượng tín dụng. Công tác quản trị rủi ro tín dụng đã được HABUBANK chú trọng hơn trong những khâu sau:

- Tái cơ cấu chức năng phê duyệt tín dụng theo hướng tập trung. Triển khai việc chuyên môn hóa các phòng (ban) và bộ phận liên quan đến tín dụng theo hướng tách biệt độc lập giữa chức năng phát triển kinh doanh và chức năng quản trị rủi ro tín dụng.
- Tăng cường hoạt động kiểm soát tuân thủ từ khâu xét duyệt hồ sơ, giải ngân, quản lý sau giải ngân nhằm sớm phát hiện các dấu hiệu rủi ro cũng như sai sót trong quá trình cho vay để xử lý kịp thời, hạn chế đến mức thấp nhất những thiệt hại có thể xảy ra.
- Xây dựng danh mục tín dụng phi tập trung, nhưng có trọng điểm để phân tán rủi ro vào các phân đoạn khách hàng và các ngành nghề kinh doanh khác nhau, tránh rủi ro tập trung đảm bảo phòng ngừa và hạn chế rủi ro tín dụng của danh mục một cách tốt nhất.
- Xây dựng các chính sách, quy định cụ thể và chế độ báo cáo đánh giá định kỳ về hoạt động tín dụng đảm bảo việc kiểm soát rủi ro được thực hiện hiệu quả nhất.
- Trên cơ sở đánh giá rủi ro của các khoản vay, công tác trích lập dự phòng phục vụ công tác đánh giá mức độ tổn thất tín dụng có thể xảy ra và chất lượng hoạt động tín dụng trong toàn Ngân hàng luôn được thực hiện tốt.
- Từng bước hoàn thiện hệ thống chấm điểm xếp hạng rủi ro tín dụng để đảm bảo phản ánh đúng về rủi ro tín dụng của khách hàng khi cấp tín dụng và nâng cao chất lượng tín dụng tại Ngân hàng.
- Xây dựng mô hình lượng hóa tổn thất tín dụng do rủi ro tín dụng xảy ra theo chuẩn mực quản trị rủi ro tín dụng trong ngân hàng

Trong bối cảnh nền kinh tế thế giới nói chung và tình hình biến động của nền kinh tế Việt Nam, HABUBANK đang xây dựng lộ trình tiếp cận phương pháp quản trị rủi ro tín dụng tiên tiến trên thế giới theo chuẩn quốc tế - hiệp ước Basel II để đạt mục tiêu phát triển bền vững trong tương lai.



Habubank Securities một năm phát triển bền vững

Đánh dấu sự phát triển bền vững và ổn định, 2008 là năm thứ 3 liên tiếp Công ty chứng khoán HABUBANK (HBBS) hoạt động hiệu quả. Theo báo cáo kiểm toán năm 2008, tổng doanh thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán đạt hơn 108 tỷ đồng, trong đó tổng lợi nhuận trước thuế đạt 11,4 tỷ đồng trên vốn điều lệ 150 tỷ đồng. Con số này đã khẳng định được vị thế của HBBS và có một ý nghĩa đặc biệt trong bối cảnh hơn 80% các CTCK trên thị trường làm ăn thua lỗ.

Có được thành công trên là nhờ sự linh hoạt, nhạy bén từ các chính sách điều hành đúng đắn của Ban lãnh đạo Ngân hàng mẹ HABUBANK và HBBS. Với kinh nghiệm 20 năm điều hành Ngân hàng phát triển ổn định và vững mạnh, Ban lãnh đạo HABUBANK và HBBS luôn đưa ra những định hướng chiến lược kinh doanh rõ ràng, sáng suốt và hiệu quả, giúp cho công ty luôn giữ vững vị thế vững mạnh về tiềm lực tài chính, chất lượng dịch vụ và quy mô khách hàng trung thành.

Một yếu tố quan trọng tạo nên thành công của HBBS trong thời gian qua đó là đội ngũ cán bộ nhân viên trong công ty. Được đào tạo từ những trường đại học danh tiếng trong và ngoài nước cộng với kinh nghiệm làm việc thực tế tại các tổ chức tài chính trong nước và quốc tế, đội ngũ cán bộ nhân viên của HBBS góp phần không nhỏ trong việc xây dựng nên một thương hiệu HBBS chuyên nghiệp, được khách hàng và đối tác tin cậy, đánh giá cao trong quá trình hợp tác, trao đổi kinh nghiệm và cung cấp dịch vụ. Trong bối cảnh đa số công ty chứng khoán trên thị trường buộc phải cắt giảm nhân sự hoặc cắt giảm lương, HBBS xác định đây là thời điểm tốt nhất để đào tạo nâng cao chất lượng nhân sự, tranh thủ tuyển dụng và ổn định các vị trí chủ chốt. Năm 2008, HBBS đã phối hợp các tổ chức đào tạo uy tín trong lĩnh vực tài chính ngân hàng như Trung tâm nghiên cứu khoa học và đào tạo chứng khoán, Trường đại học Ngoại Thương Hà Nội... thường xuyên tổ chức các khoá học nâng cao kiến thức, kỹ năng cho toàn bộ cán bộ nhân viên. Xác định đội ngũ cán bộ nhân viên là tài sản quý báu nhất của công ty, làm việc tại HBBS, ngoài môi trường làm việc dân chủ, bình đẳng, khuyến khích khả năng sáng tạo, cán bộ nhân viên của công ty còn liên tục nhận được các giá trị gia tăng mang giá trị tinh thần to lớn. Đây là một bí quyết quan trọng giúp HBBS tuyển dụng và giữ chân được nhân tài.

Thừa hưởng và phát huy các giá trị quý báu từ Ngân hàng mẹ HABUBANK, HBBS tiếp tục phát triển các mối quan hệ tốt đẹp với các đối tác và khách hàng. HBBS đã có mạng lưới khách hàng và bạn hàng trung thành rộng lớn. Thương hiệu của HBBS lần lượt được khẳng định qua những hợp đồng có giá trị rất lớn với các tổ chức kinh tế, định chế tài chính như: Ngân hàng Deutsche Bank (Đức); Tập đoàn Vinashin, Tổng công ty VEC, Tập đoàn Hoà Phát, Tổng công ty Lilama Việt Nam, Tổng công ty cà phê Việt Nam, Tập đoàn Phú Thái...

Bước sang năm 2009, HBBS tiếp tục tập trung vào phát triển nguồn nhân lực chủ chốt, chú trọng nâng cấp, cải tiến hệ thống công nghệ thông tin hiện đại và nâng cao chất lượng dịch vụ đạt chuẩn quốc tế, thực hiện mục tiêu trở thành một trong 5 công ty chứng khoán dẫn đầu thị trường chứng khoán Việt Nam.





20 NĂM
HABUBANK
Giá trị tích lũy niềm tin

The logo features a large '20' in blue and green, with 'NĂM' in green and 'HABUBANK' in blue. Below it is the tagline 'Giá trị tích lũy niềm tin' in a smaller blue font. A blue and green swoosh underline the text.

A man with glasses, wearing a dark blue suit, white shirt, and light blue tie, is smiling and talking on a mobile phone. He is standing in front of a brick building with large windows. The background is slightly blurred.

HABUBANK

Quản trị nguồn nhân lực

Đầu tư cho tương lai

Năm 2008 là một năm khó khăn đối với nền kinh tế nói chung và đặc biệt đối với ngành ngân hàng - tài chính. Bên cạnh việc điều hành các mảng kinh doanh hoạt động ổn định trước những biến động khôn lường của thị trường, Ban lãnh đạo HABUBANK tiếp tục thực hiện chính sách nhân sự lấy con người là trọng tâm và đây là một yếu tố đóng góp vào sự thành công của HABUBANK.

Năm 2008, số lượng nhân viên của HABUBANK tăng từ 865 cán bộ (năm 2007) lên 1.037 cán bộ, tỷ lệ duy trì nhân viên vẫn giữ mức rất đáng tự hào là 96%. Có được thành tựu này là do thông điệp của lãnh đạo Ngân hàng về sự gắn kết vì ngôi nhà chung HABUBANK được truyền tải đến từng nhân viên thông qua các phong trào hoạt động tập thể sôi nổi được tổ chức hàng năm bên cạnh các chính sách đãi ngộ thỏa đáng.

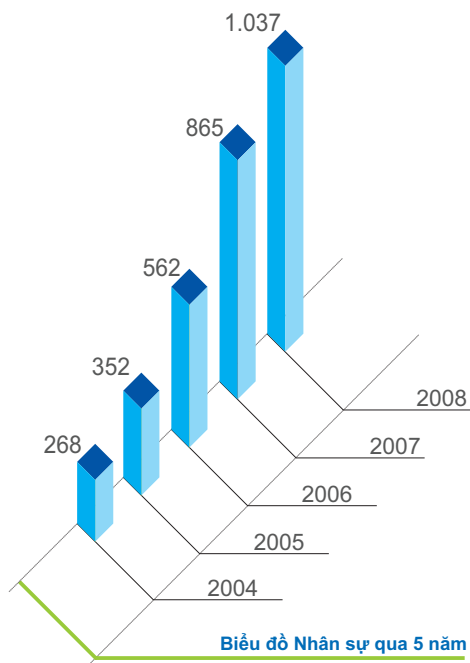
HABUBANK đã thu hút được một đội ngũ nhân sự có trình độ tương đối đồng đều về chất lượng, chuyên môn, nghiệp vụ, trong đó số lượng nhân viên có trình độ đại học và trên đại học là 787 người, chiếm 76% tổng số nhân sự. HABUBANK cũng đang tiến hành trẻ hóa đội ngũ nhân sự nhằm khuyến khích sự sáng

tạo, năng động, linh hoạt. Với tốc độ phát triển hiện nay của ngành ngân hàng, đội ngũ nhân sự trẻ sẽ mạnh dạn hơn trong việc cọ sát, học hỏi kinh nghiệm và nhanh chóng trưởng thành. Ban lãnh đạo HABUBANK hoàn toàn tin tưởng vào đội ngũ nhân sự trẻ và không ngừng tạo cơ hội để họ phát triển trình độ. Rất nhiều cán bộ trẻ đang giữ những vị trí quản lý chủ chốt tại HABUBANK đã minh chứng cho điều này.

Không chỉ tăng trưởng về mặt số lượng, Ban lãnh đạo HABUBANK còn tập trung cho việc không ngừng nâng cao chất lượng cán bộ và chuẩn bị nguồn nhân lực kế cận thông qua các hoạt động đào tạo, hội thảo chuyên ngành. Tổng số 54 khoá học đã được tổ chức cho 1.236 lượt cán bộ trong năm qua. Hầu hết nhân viên nghiệp vụ của HABUBANK đều trải qua các lớp đào tạo chức danh chuyên nghiệp và được quốc tế công nhận.

Trong năm 2008, chương trình bình chọn “Nụ cười HABUBANK” đã thu hút được sự quan tâm của đông đảo nhân viên tại các quầy giao dịch của HABUBANK trên toàn quốc. Đây là chương trình do khách hàng trực tiếp bình chọn những gương mặt giao dịch viên tiêu biểu hàng tháng, hàng quý và hàng năm nhằm khuyến khích các nhân viên phát huy năng lực, lối ứng xử khi làm việc với khách hàng. Đây cũng là động lực khích lệ nhân viên toàn Ngân hàng làm việc có trách nhiệm hơn và làm đẹp hơn hình ảnh về HABUBANK thân thiện thông qua các giao tiếp với khách hàng.

2008 là một năm đáng ghi nhớ của các cán bộ nhân viên HABUBANK khi cùng Ngân hàng bước sang tuổi 20 đầy thành công nhưng cũng nhiều thách thức. Tất cả những thành tựu mà HABUBANK đạt được trong suốt chặng đường 20 năm có một phần không nhỏ công sức của tập thể cán bộ nhân viên và sự đoàn kết của họ sẽ là động lực để HABUBANK đối mặt với những khó khăn trước mắt.



Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị trong năm

Trong năm 2008, HABUBANK đã bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
1	Ông Joseph Paul Longo	Thành viên	Ngày 20 tháng 6 năm 2008

Ông Joseph Paul Longo là đại diện hợp pháp của Deutsche Bank Aktiengesellschaft tại Habubank.

Thông tin cổ đông

Vốn điều lệ của Habubank

Vốn điều lệ đầu kỳ (1/1/2008)	Vốn điều lệ tăng trong kỳ (thời gian)	Vốn điều lệ cuối kỳ (31/12/2008)
2.000 tỷ đồng	800 tỷ: tháng 12/2008	2.800 tỷ đồng

Số lượng cổ đông

Số lượng cổ đông đầu kỳ	Số lượng cổ đông tăng trong kỳ	Số lượng cổ đông giảm trong kỳ	Số lượng cổ đông cuối kỳ
1.590	712		2.302
Trong đó 75 cổ đông là tổ chức	8		Trong đó 83 cổ đông là tổ chức

Cơ cấu cổ đông của HABUBANK

Stt	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	SỐ CP SỞ HỮU ĐẦU KỲ (1/1/2008)	PHÁT SINH TRONG KỲ		SỐ CP SỞ HỮU CUỐI KỲ (31/12/2008)
				Tăng	Giảm	
I	CỔ ĐÔNG LÀ PHÁP NHÂN					
1	Pháp nhân nước ngoài		20.000.000	8.000.000		28.000.000
2	Pháp nhân trong nước		85.073.931	38.139.335		123.213.266
II	CỔ ĐÔNG LÀ THỂ NHÂN			94.926.069	33.860.665	128.786.734
III	CỔ ĐÔNG TRONG NƯỚC SỞ HỮU 5% VỐN CỔ PHẦN					Không có
TỔNG CỘNG			200.000.000			280.000.000
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ GỒM:						
1	Nguyễn Văn Bảng	Chủ tịch	3.599.820	8.142.634		11.742.454
2	Joseph Paul Longo (Đại diện pháp nhân của CĐ nước ngoài là Deutsche Bank Aktiengesellschaft)	Ủy viên	20.000.000	8.000.000		28.000.000
3	Đỗ Trọng Thắng	Ủy viên	186.368		94.853	91.515
4	Nguyễn Tuấn Minh	Ủy viên	245.860	106.744		352.604
5	Dương Thị Thu Hà	Ủy viên	752.640	301.056		1.053.696
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT GỒM:						
1	Trần Thị Lan Hương	Trưởng ban kiểm soát	179.200		101.226	77.974
2	Nguyễn Thị Minh Hải	Thành viên ban kiểm soát	14.505	5.802		20.307
3	Trần Thị Hà Giang	Thành viên ban kiểm soát	15.413	6.165		21.578
THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH GỒM:						
1	Bùi Thị Mai	Tổng giám đốc	168.792	60.517		229.309
2	Lê Thu Hương	Phó Tổng giám đốc	71.097	28.439		99.536
3	Đỗ Trọng Thắng	Phó Tổng giám đốc	186.368		94.853	91.515
4	Nguyễn Thị Kim Oanh	Phó Tổng giám đốc	18.285	14.314		32.599
5	Nguyễn Tuấn Minh	Phó Tổng giám đốc	245.860	106.744		352.604



HABUBANK

Giá trị tích lũy ni

Hướng tới năm 2009



Dự báo tình hình môi trường kinh doanh tác động tới tình hình kinh doanh Ngân hàng

Tình hình khủng hoảng tài chính thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp với việc suy giảm tăng trưởng và suy thoái kinh tế sâu hơn với các gói hỗ trợ chưa phát huy được tác dụng. Kinh tế Việt Nam cũng sẽ gặp nhiều khó khăn khi các tác động chậm của khủng hoảng bắt đầu bộc lộ. Việc khắc phục những khó khăn của kinh tế toàn cầu và Việt Nam không đơn giản và sẽ tốn nhiều công sức, thời gian, cho dù các biện pháp kích thích tăng trưởng kinh tế đã bắt đầu được Chính phủ đưa ra.

Môi trường kinh tế của Việt Nam dự báo sẽ khó khăn hơn trong năm 2009 và ảnh hưởng lớn tới thị trường tiền tệ và kinh doanh ngân hàng. Điều này sẽ tăng thêm thách thức cho các ngân hàng trong nước và làm tăng tính cạnh tranh hơn trên thị trường tài chính. Từng ngân hàng sẽ phải có những thay đổi mạnh mẽ hơn trong chiến lược kinh doanh. Xuất phát từ tình hình trên, năm 2009 HABUBANK đề ra các nhiệm vụ cho riêng mình đảm bảo phát triển ổn định và bền vững.

Định hướng và nhiệm vụ trọng tâm năm 2009

Năm 2009 Hội đồng quản trị và Ban điều hành HABUBANK chú trọng phát triển Ngân hàng với 3 nhiệm vụ trọng tâm dưới đây, đồng thời với việc tiếp tục nâng cao các nguồn lực cần có hỗ trợ thực hiện các mục tiêu này:

- Kiểm soát hoạt động kinh doanh an toàn và hiệu quả, hoàn thiện hạ tầng quản lý rủi ro tài chính theo chuẩn mực quốc tế tốt nhất; đảm bảo cho Ngân hàng vượt qua thách thức và khó khăn của giai đoạn khủng hoảng kinh tế trong nước và thế giới hiện nay;
- Tiếp tục nắm bắt các cơ hội và tận dụng thời cơ có thể để thực hiện đa dạng hoá sản phẩm, mở rộng mạng lưới hoạt động nhanh chóng nhưng phải đảm bảo an toàn để nâng cao hơn nữa khả năng cạnh tranh và phát triển của HABUBANK;
- Liên tục và linh hoạt bổ sung các công cụ kinh doanh cho ngân hàng thương mại, có thể hỗ trợ hạn chế rủi ro pháp lý và tài chính cũng như tận dụng và phát huy vai trò và hệ thống của HABUBANK trong các công ty liên kết và trong các công ty con để dạng hoá nguồn thu nhập, đảm bảo khả năng mang lại thu nhập cổ tức đều và bền vững cho các cổ đông HABUBANK.

Một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2009

CHỈ TIÊU	GIÁ TRỊ ĐẾN 31/12/2009	SỐ VỚI 2008 (%)
1. Tổng Tài Sản	25.500 - 28.000 tỷ VND	6 - 16%
2. Tổng Huy động	21.000 - 23.500 tỷ VND	6 - 18%
Trong đó: Huy động thị trường 1	13.500 - 16.000 tỷ VND	20 - 35%
3. Tổng Dự nợ	12.500 tỷ VND - 15.000 tỷ VND	20 - 45%
4. Doanh số Thanh toán Quốc tế	650 - 800 triệu USD	18 - 42%
5. Tỷ lệ Nợ quá hạn	< 3%	
6. Tỷ lệ An toàn Vốn	> 10%	
7. Tỷ lệ cổ tức (đạt 120 đến 150% GDP)	8% - 10%	
8. Mạng lưới hoạt động	Tăng 8 - 15 điểm giao dịch	

HABUBANK

Báo cáo tài chính năm 2008

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

TÀI SẢN	31/12/ 2008 <i>Triệu đồng</i>	31/12/ 2007 <i>Triệu đồng</i>
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	167.874	154.802
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN")	87.271	37.763
Tiền, vàng gửi tại và cho vay các TCTD khác	8.675.515	10.894.263
Tiền, vàng gửi không kỳ hạn tại các TCTD khác	61.817	147.112
Tiền, vàng gửi có kỳ hạn và cho vay các TCTD khác	8.613.698	10.747.151
Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác	-	-
Chứng khoán kinh doanh	77.833	68.324
Chứng khoán kinh doanh	127.929	77.741
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(50.096)	(9.417)
Cho vay khách hàng	10.275.166	9.285.862
Cho vay khách hàng	10.515.947	9.419.378
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	(240.781)	(133.516)
Chứng khoán đầu tư	3.477.996	2.411.833
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	3.240.920	2.142.199
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	237.076	269.634
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	-	-
Góp vốn, đầu tư dài hạn	302.337	267.975
Vốn góp liên doanh	-	-
Đầu tư vào công ty liên kết	-	-
Đầu tư dài hạn khác	302.337	267.975
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	-
Tài sản cố định	183.780	98.240
<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	<i>151.487</i>	<i>93.054</i>
Nguyên giá tài sản cố định	211.428	130.748
Hao mòn tài sản cố định	(59.941)	(37.694)
<i>Tài sản cố định vô hình</i>	<i>32.293</i>	<i>5.186</i>
Nguyên giá tài sản cố định	43.793	12.420
Hao mòn tài sản cố định	(11.500)	(7.234)
Tài sản có khác	358.945	299.622
Lãi dự thu	259.252	187.772
Tài sản có khác	99.693	111.850
Dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng khác	-	-
TỔNG TÀI SẢN	23.606.717	23.518.684
NỢ PHẢI TRẢ		
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	-	307.434
Tiền gửi và vay các TCTD khác	8.324.362	10.805.535
Tiền gửi của các TCTD khác	8.301.424	10.805.535
Vay các TCTD khác	22.938	-
Tiền gửi của khách hàng	11.081.949	8.467.382
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	554.706	97.964
Phát hành giấy tờ có giá	-	292.021
Các khoản nợ khác	652.939	369.921
Các khoản lãi, phí phải trả	500.242	236.883
Thuế TNDN phải trả	82.726	37.393
Các khoản phải trả và công nợ khác	54.637	80.755
Dự phòng cho công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng	15.334	14.890
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	20.613.956	20.340.257

VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn và các quỹ	2.992.761	3.178.427
Vốn của TCTD	2.818.455	2.818.455
Vốn điều lệ	2.800.000	2.000.000
Vốn đầu tư XDChB	-	-
Thặng dư vốn cổ phần	18.455	818.455
Cổ phiếu quỹ	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Vốn khác	-	-
Quỹ của TCTD	101.383	64.267
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	1.931	1.931
Lợi nhuận chưa phân phối/ Lỗ lũy kế	70.992	293.774
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	23.606.717	23.518.684

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/ 2008 Triệu đồng	31/12/ 2007 Triệu đồng
Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn		
Bảo lãnh vay vốn	-	-
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	1.556.577	3.999.064
Bảo lãnh khác	968.830	1.158.144
	2.525.407	5.157.208
Các cam kết đưa ra		
Cam kết tài trợ cho khách hàng	61.100	116.864
Cam kết khác	73.740	74.690
	134.840	191.554

Người lập: 
 Ông Nguyễn Duy Tiệm
 Kế toán

Người phê duyệt:   Người phê duyệt: 
 Bà Lê Cẩm Tú
 Kế toán trưởng

Bà Bùi Thị Mai
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
 Ngày 19 tháng 02 năm 2009

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Thu nhập hoạt động	Năm 2008 Triệu đồng	Năm 2007 Triệu đồng
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	2.541.248	2.115.914
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(1.780.422)	(1.492.959)
Thu nhập lãi thuần	760.826	622.955
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	131.564	103.317
Chi phí hoạt động dịch vụ	(9.280)	(17.279)
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	122.284	86.038
Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	7.639	2.718
Lãi/ lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	(58.874)	9.074
Lãi/ lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	1.676	-
Thu nhập từ hoạt động khác	5.300	4.356
Chi hoạt động khác	(5)	-
Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động khác	5.295	4.356
Thu nhập từ góp vốn mua cổ phần	10.949	12.800
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG	849.795	737.941
CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG		
Chi phí nhân viên	(106.916)	(88.890)
Chi phí khấu hao và khấu trừ	(26.652)	(19.310)
Chi phí hoạt động khác	(125.490)	(84.063)
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	(259.058)	(192.263)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	590.737	545.678
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(110.315)	(84.923)
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	480.422	460.755
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(128.255)	(95.123)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
Chi phí thuế TNDN	(128.255)	(95.123)
LỢI NHUẬN THUẦN TRONG NĂM	352.167	365.632
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.243	2.211
LỢI NHUẬN ĐỂ LẠI ĐẦU NĂM	293.774	156.771
Lợi nhuận thuần trong năm	352.167	365.632
LỢI NHUẬN TRƯỚC KHI PHÂN PHỐI	645.941	522.403
Trừ	-	-
Trích lập các quỹ dự trữ theo quy định của năm trước	(39.467)	(209)
Tạm trích các quỹ trong năm	(1.054)	(36.857)
Thoái trích lập các quỹ theo Biên bản Quyết toán thuế	-	1.233
Trả cổ tức đợt cuối cho năm trước	(132.558)	(88.667)
Trả cổ tức cho năm hiện hành	(400.000)	(109.100)
Điều chỉnh kết quả quyết toán thuế	(1.865)	5.022
Các khoản khác	(5)	(51)
LỢI NHUẬN ĐỂ LẠI CUỐI NĂM	70.992	293.774

Người lập:




Ông Nguyễn Duy Tiệm
Kế toán

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 19 tháng 02 năm 2009

Người phê duyệt



Bà Lê Cẩm Tú
Kế toán trưởng

Người phê duyệt



Bà Bùi Thị Mai
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Năm 2008 Triệu đồng	Năm 2007 Triệu đồng
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	2.469.767	1.936.740
Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(1.517.062)	(1.256.076)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	122.284	86.038
Chênh lệch số tiền thực thu/thực chi từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, vàng bạc, ngoại tệ	(9.516)	11.980
Thu nhập khác	5.336	4.356
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý công vụ	(215.662)	(167.942)
Tiền thuế thu nhập thực nộp trong kỳ	(83.123)	(99.924)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động	772.024	515.172
Những thay đổi về tài sản hoạt động		
(Tăng)/Giảm các khoản tiền, vàng gửi và cho vay các TCTD khác	1.724.633	(3.107.579)
(Tăng)/Giảm các khoản về CK kinh doanh và CK đầu tư	(1.116.352)	(924.953)
(Tăng)/Giảm các khoản cho vay khách hàng	(1.096.569)	(3.436.111)
Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản (tín dụng, chứng khoán, đầu tư dài hạn)	(2.606)	(4.040)
(Tăng)/Giảm khác về tài sản hoạt động	(14.579)	(36.262)
Những thay đổi về công nợ hoạt động		
Tăng/(Giảm) các khoản nợ Chính phủ và NHNN	(307.434)	114.163
Tăng/(Giảm) các khoản tiền gửi, tiền vay các TCTD	(2.481.173)	5.947.536
Tăng/(Giảm) tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả KBNN)	2.614.567	3.982.578
Tăng/(Giảm) phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá phát hành được tính vào hoạt động tài chính)	(292.021)	160.729
Tăng/(Giảm) vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chị rủi ro	456.742	30.228
Tăng/(Giảm) khác về công nợ hoạt động	(42.863)	55.190
Chi từ các quỹ của TCTD	(3.471)	(1.947)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	210.898	3.294.704
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
Mua sắm tài sản cố định	(85.422)	(61.235)
Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	(35.262)	(138.461)
Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác (Thu bán, thanh lý công ty con, góp vốn liên doanh, liên kết, các khoản đầu tư dài hạn khác)	900	-
Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	9.909	12.612
Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư	(109.875)	(187.084)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
Tăng vốn điều lệ	-	488.000
Thặng dư vốn cổ phần	-	763.000
Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia	(532.558)	(197.767)
Các khoản khác	-	892
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(532.558)	1.054.125
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(431.535)	4.161.745
Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu kỳ	7.071.290	2.909.545
Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối kỳ	6.639.755	7.071.290

<p>Người lập:</p>  <p>Ông Nguyễn Duy Tiệm Kế toán</p>	<p>Người phê duyệt</p>  <p>Bà Lê Cẩm Tú Kế toán trưởng</p>	<p>Người phê duyệt</p>   <p>Bà Bùi Thị Mai Tổng Giám đốc</p>
--	---	---

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 19 tháng 02 năm 2009

HABUBANK

Thuyết minh báo cáo tài chính năm 2008

Thuyết minh báo cáo tài chính

1. GIỚI THIỆU VỀ NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội (sau đây được gọi tắt là “Ngân hàng”) là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Thành lập và Hoạt động

Ngân hàng được thành lập từ năm 1989 theo Quyết định số 104/QĐ-UB ngày 11 tháng 1 năm 1989 của ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội. Ngân hàng được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNN”) cấp Giấy phép Hoạt động số 0020/NH-GP ngày 6 tháng 6 năm 1992.

Ngân hàng được thành lập nhằm thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác, và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNN cho phép.

Vốn Điều lệ

Vốn điều lệ ban đầu của Ngân hàng là 50.000 triệu đồng và được bổ sung từng kỳ theo kế hoạch mở rộng hoạt động kinh doanh của Ngân hàng. Số vốn điều lệ của Ngân hàng tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 là 2.800.000 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2007: 2.000.000 triệu đồng).

Trong năm 2008, Ngân hàng có một đợt tăng vốn điều lệ từ 2.000 tỷ đồng lên 2.800 tỷ đồng từ thặng dư vốn cổ phần:

Vốn tăng lên (triệu đồng)	Được chấp thuận theo	Ngày
800.000	Văn bản số 792/NHNN-HNA7 của Giám đốc NHNN TP Hà Nội	27 tháng 11 năm 2008

Hội đồng Quản trị

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm tài chính 2008 và cho tới thời điểm lập báo cáo này gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Bảng	Chủ tịch	Được tái bổ nhiệm ngày 19 tháng 1 năm 2006
Ông Nguyễn Tuấn Minh	Thành viên	Được tái bổ nhiệm ngày 19 tháng 1 năm 2006
Ông Đỗ Trọng Thắng	Thành viên	Được tái bổ nhiệm ngày 19 tháng 1 năm 2006
Bà Dương Thị Thu Hà	Thành viên	Được tái bổ nhiệm ngày 19 tháng 1 năm 2006
Ông Joseph Paul Longo	Thành viên	Được bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2008

Ban Giám đốc

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm tài chính 2008 và cho tới thời điểm lập báo cáo này gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Bà Bùi Thị Mai	Tổng Giám đốc	Được tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2008
Bà Lê Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc	Được bổ nhiệm ngày 01 tháng 12 năm 2001
Ông Đỗ Trọng Thắng	Phó Tổng Giám đốc	Được bổ nhiệm ngày 15 tháng 2 năm 2002
Bà Nguyễn Thị Kim Oanh	Phó Tổng Giám đốc	Được bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2003
Bà Nguyễn Dự Hương	Phó Tổng Giám đốc	Được bổ nhiệm ngày 3 tháng 10 năm 2005
Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	Phó Tổng Giám đốc	Được bổ nhiệm ngày 08 tháng 5 năm 2007
Ông Nguyễn Tuấn Minh	Phó Tổng Giám đốc	Được bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2007

Trụ sở

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội có trụ sở chính đặt tại B7 Giảng Võ, quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam. Vào thời điểm 31 tháng 12 năm 2008, Ngân hàng có một (1) Hội sở chính, hai (2) Sở giao dịch, mười bảy (17) chi nhánh chính và hai mươi hai (22) phòng giao dịch tại các tỉnh và thành phố trên cả nước.

Công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, Ngân hàng có một (1) công ty con như sau:

Tên công ty	Được thành lập theo	Lĩnh vực kinh doanh	% sở hữu bởi Ngân hàng
Công ty Chứng khoán Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội	Đăng ký kinh doanh số 0104000254 ngày 03 tháng 11 năm 2005 do Sở Kế hoạch Đầu tư Hà Nội cấp; Giấy phép hoạt động số 14/UBCK-GPHĐKD ngày 04 tháng 11 năm 2005 do ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp	Chứng khoán, thị trường vốn	100%

Nhân viên

Tổng số cán bộ công nhân viên của Ngân hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 1.037 người (năm 2007: 865 người).

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở lập các báo cáo tài chính hợp nhất

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng được trình bày theo đơn vị triệu đồng Việt Nam (“triệu đồng” hay “triệu VNĐ”), được lập theo Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam theo Quyết định số 479/QĐ-NHNN2 ngày 29 tháng 04 năm 2004 do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2005, Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 04 năm 2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành bao gồm:

Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1);

Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2);

Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3);

Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4); và

Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5).

Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập trên cơ sở tuân thủ các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận tại Việt Nam. Bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh đi kèm cũng như việc sử dụng các báo cáo này không dành cho những ai không thông hiểu các thông lệ, thủ tục và nguyên tắc kế toán Việt Nam và hơn nữa, những báo cáo này không được lập nhằm thể hiện tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Ngân hàng theo những nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các quốc gia và thể chế bên ngoài Việt Nam.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Ngân hàng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.3 Hợp nhất các báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Ngân hàng và của công ty con tại ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của công ty con có cùng niên độ lập báo cáo và sử dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán với Ngân hàng.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn.

Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính của Ngân hàng theo phương pháp hợp nhất toàn phần bắt đầu từ ngày Ngân hàng có quyền kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Ngân hàng có quyền, trực tiếp hay gián tiếp, chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của đơn vị đó. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con mới được mua hoặc mới được thanh lý trong năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất một cách hợp lý tính từ ngày mua hoặc tính đến ngày thanh lý.

2.4 Số liệu so sánh

Trong năm 2008, một số khoản mục trên các báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2007 được trình bày lại như sau:

Trích từ bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

	2007 Số đã báo cáo	Phân loại lại/ điều chỉnh	2007 Số đã báo cáo	Ghi chú
	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	
Tiền, vàng gửi kkh tại tctd khác	310.062	(162.950)	147.112	(1)
Tiền, vàng gửi có kh tại tctd khác	10.584.201	162.950	10.747.151	(1)
ảnh hưởng đối với tổng tài sản	10.894.263	-	10.894.263	

	2007 Số đã báo cáo	Phân loại lại/ điều chỉnh	2007 Số đã báo cáo	Ghi chú
	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	
Phải trả khác	79.837	918	80.755	(2)
Lợi nhuận để lại	294.692	(918)	293.774	(2)
Vốn đầu tư xdcb	1.931	(1.931)	-	(3)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	1.931	1.931	(3)
ảnh hưởng đối với tổng nợ phải trả	376.460	-	376.460	

- (1) *Phân loại các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng của công ty chứng khoán habubank sang khoản mục tiền gửi có kỳ hạn*
- (2) *Thoái trích quỹ bổ sung vốn điều lệ năm 2006 do công ty chứng khoán habubank trích thừa*
- (3) *Phân loại lại khoản mục vốn đầu tư xây dựng cơ bản sang chênh lệch đánh giá lại tài sản*

2.5 Các khoản cho vay và ứng trước khách hàng

Các khoản cho vay và ứng trước khách hàng được công bố và trình bày theo số dư nợ gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

2.6 Dự phòng rủi ro tín dụng

Theo Luật các Tổ chức Tín dụng có hiệu lực từ ngày 1 tháng 10 năm 1998, Luật Sửa đổi và Bổ sung một số điều trong Luật Các Tổ chức Tín dụng có hiệu lực từ ngày 1 tháng 10 năm 2004, Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành Quy chế cho vay của Tổ chức Tín dụng đối với khách hàng, Quyết định 127/2005/QĐ-NHNN ngày 3 tháng 2 năm 2005 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành theo Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN, Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22 tháng 4 năm 2005 và Quyết định 18/2006/QĐ-NHNN của Ngân hàng Nhà nước về việc Phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng, tổ chức tín dụng phải thực hiện phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro tín dụng. Theo đó, các khoản cho vay khách hàng được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn dựa vào tình trạng quá hạn và các yếu tố định tính khác của khoản cho vay.

Rủi ro tín dụng thuần của các khoản cho vay khách hàng được tính bằng giá trị còn lại của khoản cho vay trừ giá trị của tài sản bảo đảm đã được chiết khấu theo các tỷ lệ được quy định trong Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định 18/2006/QĐ-NHNN.

Dự phòng cụ thể được trích lập trên rủi ro tín dụng thuần của các khoản cho vay theo các tỷ lệ tương ứng với từng nhóm như sau:

Nhóm	Loại	Tỷ lệ dự phòng cụ thể
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
2	Nợ cần chú ý	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
4	Nợ nghi ngờ	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

Các khoản nợ được phân loại là Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn được coi là nợ xấu.

Theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN, dự phòng chung được trích lập để dự phòng cho những tổn thất chưa được xác định được trong quá trình phân loại nợ và trích lập dự phòng cụ thể và trong các trường hợp khó khăn về tài chính của các tổ chức tín dụng khi chất lượng các khoản nợ suy giảm. Theo đó, trong vòng 5 năm kể từ tháng 5 năm 2005, Ngân hàng phải thực hiện trích lập và duy trì dự phòng chung bằng 0,75% tổng giá trị các khoản nợ, các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và cam kết cho vay không huỷ ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể được phân loại từ nhóm 1 đến nhóm 4.

Dự phòng được ghi nhận như một khoản chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được sử dụng để xử lý các khoản nợ xấu. Theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN, Ngân hàng thành lập Hội đồng Xử lý Rủi ro để xử lý các khoản nợ xấu nếu như chúng được phân loại vào nhóm 5, hoặc nếu khách hàng vay là pháp nhân giải thể, phá sản, hoặc là cá nhân bị chết hoặc mất tích.

2.7 Đầu tư vào chứng khoán

2.7.1 Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là những chứng khoán giữ cho mục đích kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch. Các chứng khoán sau đó được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá trị thị trường và giá gốc. Ngoại trừ trường hợp không thể xác định giá trị thị trường một cách chắc chắn thì giá trị của chúng được tính dựa trên nguyên giá sau khi trừ đi tổn thất ước tính nếu có. Bất kỳ một khoản giảm giá hoặc tổn thất ước tính nào của những loại chứng khoán này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên khoản mục "lãi/lỗ thuần từ hoạt động mua bán chứng khoán kinh doanh".

2.7.2 Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn

Chứng khoán được giữ cho đến khi đến hạn bao gồm các chứng khoán có giá trị xác định và có ngày đáo hạn cụ thể và Ngân hàng dự định nắm giữ các chứng khoán này cho tới ngày đáo hạn. Các chứng khoán này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Phần chiết khấu/phụ trội là chênh lệch âm/dương giữa giá gốc với giá trị của khoản tiền gồm mệnh giá cộng (+) lãi dồn tích trước khi mua (đối với chứng khoán Nợ trả lãi sau) hoặc trừ (-) lãi nhận trước chờ phân bổ (đối với chứng khoán Nợ trả lãi trước), được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại của chứng khoán. Lãi dự thu được tính theo phương pháp đường thẳng.

Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn bị giảm giá trị khi có sự suy giảm "trọng yếu" hoặc "kéo dài" của giá trị hợp lý của tài sản thấp hơn so với nguyên giá hoặc khi có bằng chứng khách quan khác cho thấy khả năng giảm giá trị của tài sản. Việc xác định tính "trọng yếu" và "kéo dài" đòi hỏi đánh giá chủ quan và ước tính. Ngân hàng thường đánh giá sự suy giảm là trọng yếu khi mức độ suy giảm giá trị lớn hơn 20% và sự suy giảm được cho là "kéo dài" khi thời gian này lớn hơn 6 tháng.

2.7.3 Chứng khoán sẵn sàng để bán

Các chứng khoán sẵn sàng để bán bao gồm các chứng khoán nợ và chứng khoán vốn ngoài các loại nêu trên, không bao gồm các loại chứng khoán vốn mà Ngân hàng có ảnh hưởng đáng kể đến doanh nghiệp bị đầu tư (chiếm từ 20% quyền biểu quyết trở lên) hoặc chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Chứng khoán

vốn sẵn sàng để bán luôn được hạch toán theo giá gốc trong khi chứng khoán nợ sẵn sàng để bán được hạch toán theo giá gốc tại thời điểm mua, sau đó được phản ánh theo giá trị phân bổ (chịu tác động của việc phân bổ giá trị chiết khấu/ phụ trội theo phương pháp đường thẳng cho khoảng thời gian đầu tư chứng khoán).

Chứng khoán sẵn sàng để bán sẽ được xem xét về khả năng giảm giá. Chứng khoán được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ nhỏ hơn giá trị thị trường. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên khoản mục “chi phí hoạt động khác”.

2.7.4 Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư vào chứng khoán vốn mà Ngân hàng không có ảnh hưởng đáng kể (chiếm dưới 20% quyền biểu quyết) và chứng khoán này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Các khoản đầu tư này có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm.

Các khoản đầu tư dài hạn khác được hạch toán theo giá gốc. Chứng khoán đầu tư dài hạn khác sẽ được xem xét về khả năng giảm giá. Chứng khoán được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ nhỏ hơn giá trị thị trường. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên khoản mục “chi phí hoạt động khác”. Đối với các khoản góp vốn ban đầu, Ngân hàng thực hiện trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư dài hạn khác khi tổ chức kinh tế mà Ngân hàng đang đầu tư bị lỗ, trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định theo phương án kinh doanh từ trước khi đầu tư. Mức trích lập dự phòng cho mỗi khoản đầu tư tài chính được tính bằng mức suy giảm của vốn góp thực tế của Ngân hàng vào tổ chức kinh tế do việc tổ chức kinh tế hoạt động kinh doanh bị lỗ.

2.8 Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những chứng khoán được bán đồng thời được cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai vẫn được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản công nợ trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

Những chứng khoán được mua đồng thời được cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai không được ghi nhận trên báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một tài sản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

2.9 Tài sản cố định

Giá trị tài sản cố định được thể hiện bằng nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định là toàn bộ các chi phí trực tiếp đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí liên quan đến bổ sung, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được tính vào nguyên giá tài sản cố định; chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và lợi nhuận để lại hợp nhất. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được tất toán và bất kỳ các khoản lãi/lỗ phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2.10 Khấu hao

Khấu hao của tài sản cố định hữu hình và vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của tài sản cố định như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
Máy tính	03 - 05 năm
Phương tiện vận tải	06 - 07 năm
Thiết bị văn phòng	05 - 07 năm
Quyền sử dụng đất có thời hạn (*)	theo thời hạn thuê
Phần mềm máy tính	03 - 08 năm

(*): Quyền sử dụng đất của Ngân hàng được Nhà nước giao không thời hạn không được trích khấu hao, quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời gian thuê.

2.11 Ghi nhận doanh thu và chi phí

Doanh thu từ lãi cho vay và chi phí trả lãi vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu, dự chi. Lãi dự thu phát sinh từ các khoản cho vay phân loại từ nhóm 2 đến nhóm 5 theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định 18/2007/QĐ-NHNN sẽ không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Lãi dự thu của các khoản nợ này được chuyển ra theo dõi ở tài khoản ngoại bảng và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi Ngân hàng thực nhận.

Các khoản phí dịch vụ và hoa hồng được hạch toán trên cơ sở thực thu, thực chi.

Cổ tức nhận được từ hoạt động đầu tư được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức của Ngân hàng được xác lập.

2.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Theo hệ thống kế toán của Ngân hàng, tất cả các nghiệp vụ phát sinh của Ngân hàng được hạch toán theo nguyên tệ. Tại thời điểm cuối năm, tài sản và công nợ có nguồn gốc ngoại tệ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Các khoản thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ của Ngân hàng được quy đổi ra VNĐ theo tỷ giá vào ngày phát sinh giao dịch. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài sản và công nợ bằng ngoại tệ sang Việt Nam đồng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2.13 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, áp dụng mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

Các báo cáo thuế của Ngân hàng sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời được khấu trừ khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch được khấu trừ, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay công nợ được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Ngân hàng chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi ngân hàng có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và ngân hàng dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

2.14 Tiền mặt và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương bao gồm tiền mặt, vàng, đá quý, tiền gửi thanh toán với Ngân hàng Nhà nước, các khoản tiền gửi thanh toán và tiền gửi, cho vay tại các tổ chức tín dụng khác có kỳ hạn gốc nhỏ hơn 3 tháng.

2.15 Tài sản ủy thác quản lý giữ hộ

Các tài sản giữ cho mục đích ủy thác quản lý giữ hộ không được xem là tài sản của Ngân hàng và vì thế không được bao gồm trong các báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng.

2.16 Dự phòng cho các cam kết ngoại bảng

Theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định 18/2007/QĐ-NHNN của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng phải thực hiện phân loại và trích lập dự phòng rủi ro đối với các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể (gọi chung là các khoản cam kết ngoại bảng) vào các nhóm quy định tại Điều 6 hoặc Điều 7. Theo đó, các khoản cam kết ngoại bảng được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn dựa vào tình trạng quá hạn và các yếu tố định tính khác.

Dự phòng cụ thể cho các cam kết ngoại bảng được tính tương tự như dự phòng các khoản cho vay khách hàng. Chi phí dự phòng được hạch toán trên khoản mục chi phí hoạt động của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và số dư được theo dõi trên khoản mục các khoản nợ khác của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

2.17 Công cụ phái sinh

Các công cụ phái sinh được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá trị hợp đồng vào ngày giao dịch và sau đó được đánh giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch dương của giá trị hợp lý của các công cụ phái sinh được ghi nhận là một khoản mục tài sản và chênh lệch âm được ghi nhận là một khoản công nợ. Lãi hoặc lỗ thực hiện hoặc lãi/lỗ do đánh giá lại theo giá trị hợp lý của các công cụ phái sinh được hạch toán vào khoản mục "Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối".

2.18 Cấn trừ

Tài sản và công nợ tài chính được cấn trừ và thể hiện giá trị ròng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất chỉ khi Ngân hàng có quyền hợp pháp để thực hiện việc cấn trừ và Ngân hàng dự định thanh toán tài sản và công nợ theo giá trị ròng, hoặc việc tất toán tài sản và công nợ xảy ra đồng thời.

2.19 Sử dụng các ước tính

Việc trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải thực hiện các ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản, nợ phải trả cũng như việc trình bày các công nợ tiềm ẩn. Các ước tính và giả định này cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí và kết quả số liệu dự phòng. Các ước tính này được dựa trên các giả định về một số yếu tố với các mức độ khác nhau về chủ quan và tính không chắc chắn. Do vậy, các kết quả thực tế có thể có thay đổi dẫn đến việc điều chỉnh các khoản mục có liên quan sau này.

2.20 Lợi ích của nhân viên

2.20.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Ngân hàng khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Ngân hàng sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 15% lương cơ bản hàng tháng của họ. Ngoài ra, Ngân hàng không phải có một nghĩa vụ nào khác.

Nhân viên Ngân hàng khi nghỉ hưu do sắp xếp lại lao động được hưởng trợ cấp một tháng lương cơ bản cho một năm (mười hai tháng) công tác và một phần hai tháng lương cơ bản cho mỗi tháng nghỉ hưu trước tuổi (tối đa bằng 30 tháng), hạch toán vào quỹ trợ cấp mất việc làm của Ngân hàng. Ngoài ra người lao động được trợ cấp 3 tháng lương bằng mức lương hiện hưởng (lấy từ lương dự phòng).

2.20.2 Trợ cấp thôi việc tự nguyện và trợ cấp mất việc

Trợ cấp thôi việc tự nguyện: theo Điều 42 Bộ Luật Lao động sửa đổi ngày 2 tháng 4 năm 2002, Ngân hàng có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc.

Trợ cấp mất việc: theo Điều 17 của Bộ Luật Lao động, Ngân hàng có nghĩa vụ chi trả trợ cấp cho nhân viên bị mất việc do thay đổi cơ cấu tổ chức hoặc công nghệ. Trong trường hợp này, Ngân hàng có nghĩa vụ chi trả trợ cấp mất việc bằng một tháng lương cho mỗi năm làm việc nhưng tổng trợ cấp không thấp hơn hai tháng lương.

Mặc dù nghĩa vụ quy định trong điều 17 và 42 là bắt buộc, việc thực hiện những nghĩa vụ này còn cần tuân theo hướng dẫn chi tiết của Bộ Tài chính trong các thông tư hướng dẫn thực hiện. Theo Thông tư số 64/1999/TT-BTC ngày 7 tháng 6 năm 1999 và Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính thay thế Thông tư số 64/1999/TT-BTC, các ngân hàng phải tính toán trợ cấp mất việc làm cho nhân viên bằng 1,00 - 3,00%/năm trên lương cơ bản của nhân viên. Mức trích lập cụ thể do Ngân hàng tự quyết định tùy vào khả năng tài chính của Ngân hàng hàng năm. Ngoài ra, số dư của quỹ trợ cấp thôi việc đã được trích lập trước đây bằng 10,00% của lợi nhuận sau thuế sau khi trừ đi phần trích lập quỹ bổ sung vốn điều lệ theo Thông tư số 64/1999/TT-BTC nên được chuyển sang quỹ trợ cấp mất việc cho nhân viên theo Thông tư 82/2003/TT-BTC. Trong năm, Ngân hàng đã trích Quỹ trợ cấp mất việc bằng 1,00% lương cơ bản của nhân viên.

*Chi tiết một số chỉ tiêu trong Báo cáo tài chính
(Xem phần tiếng Anh từ trang 93 đến trang 109)*